

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 2 B, Phường A, Quận D (N là Phường K), Thành phố Hồ Chí Minh.
(Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do)

Ngày 15/06/2017 bà Nguyễn Hoài Thanh M có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng bà **M** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 28.530.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà **M** đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 26.064.028 đồng.

Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà **M** vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà **M** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 01/11/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 9.688.257 đồng sang quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.9%/tháng (= lãi suất trong hạn 2.6%/tháng x 150%) (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 11/03/2026, bà **M** còn nợ các khoản sau:

Dư nợ quá hạn: 9.688.257 đồng

Lãi quá hạn: 29.258.185 đồng

Tổng cộng: **38.946.442 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi sáu ngàn, bốn trăm bốn mươi hai đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà **M** có trách nhiệm thanh toán tuy nhiên bà **M** vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà **Nguyễn Hoài Thanh M** phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/03/2026 là 38.946.442 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi sáu ngàn, bốn trăm bốn mươi hai đồng) trong đó:

- Dư nợ quá hạn: 9.688.257 đồng

- Lãi quá hạn: 29.258.185 đồng

2. Và bà **Nguyễn Hoài Thanh M** có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 12/3/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn là bà **Nguyễn Hoài Thanh M** vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà **Nguyễn Hoài Thanh M** cũng không gửi văn bản có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án nên không thể thu thập ý kiến của bà **M**. Theo kết quả xác minh của **Công an Phường K**, Thành phố Hồ Chí Minh: “**Nguyễn**

Hoài Thanh M, sinh năm 1993 có HKTT tại B T, Phường K. Hiện công dân không thực tế cư trú tại địa phương, đang tạm trú tại địa chỉ 1 H, Phường P, TP.". Theo kết quả xác minh của Công an Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh: "Đ/s Nguyễn Hoài Thanh M, sinh năm 1993 không cư trú tại địa chỉ 1 H, KP16, phường P, TP.".

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là bà Nguyễn Hoài Thanh M vắng mặt nên không có lời trình bày tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Xét, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Hoài Thanh M có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/6/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với mục đích sử dụng vốn là tiêu dùng, như vậy đây là vụ án dân sự; bà Nguyễn Hoài Thanh M có hộ khẩu thường trú tại Phường K, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Bị đơn là bà Nguyễn Hoài Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Thân Lê N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

Về yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do Ngân hàng TMCP S xuất trình là bản chính Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/6/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) có chữ ký của bà Nguyễn Hoài Thanh M có cơ sở xác định: bà Nguyễn Hoài Thanh M có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 15/6/2017 với Ngân hàng TMCP S với nội dung đúng như nguyên đơn trình bày. Việc thỏa thuận giữa các bên

là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà **M** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 26.064.028 đồng. Trong quá trình vay vốn, bà **Nguyễn Hoài Thanh M** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà **M** vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, ngày 01/11/2019 **Ngân hàng TMCP S** đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, bà **Nguyễn Hoài Thanh M** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay và lãi hàng tháng mà các bên đã thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng nêu trên, cho nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà **M** thanh toán toàn bộ số tiền nợ với thời hạn trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 290, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP S**.

Buộc bà **Nguyễn Hoài Thanh M** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S** toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 11/3/2026 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/6/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) là: 38.946.442 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi sáu ngàn, bốn trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó, dư nợ quá hạn là 9.688.257 đồng; lãi quá hạn là 29.258.185 đồng

Kể từ ngày 12/3/2026 trở đi bà **Nguyễn Hoài Thanh M** còn phải trả lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/6/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi bà **M** trả hết nợ vay cho **Ngân hàng TMCP S**.

Trường hợp bà **Nguyễn Hoài Thanh M** vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn được quyền có đơn yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Hoài Thanh M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.947.322 (Một triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi hai) đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 819.000 (Tám mươi chín nghìn) đồng cho **Ngân hàng TMCP S** đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/23P số 0008895 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4 (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1)

3. Về quyền kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân và quyền kháng cáo của các đương sự:

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 có quyền kháng nghị, **Ngân hàng TMCP S** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bà **Nguyễn Hoài Thanh M** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Khu vực 1, TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP. HCM;
- Lưu: Vp, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**



Võ Thị Bảo Trân